TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 8 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tăng Giàu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hoàng

Bà Cao Thị Lệ Pha

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Hoàng Kha - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*:** Ông Đặng Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1990; cư trú Ấp X, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lộ Văn M, sinh năm 1989; cư trú Ấp X, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị T và anh M sống chung vào khoảng năm 2011, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau đó vợ chồng anh chị có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau này hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng T và không còn hạnh phúc. Hiện tại anh chị không còn sống chung. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh chị cũng không thể hàn gắn lại được và chị cũng không còn tình cảm gì với anh M nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lộ Văn M.

Về con chung: Chị T và anh M có 01 người con chung tên Lộ Thị Cẩm T, sinh ngày 21/10/2011, từ nhỏ đến nay cháu T đều do chị T và anh M chăm sốc nuôi dưỡng, từ khi vợ chồng không còn sống chung đến nay thì cháu T do anh M chăm sóc, nuôi dưỡng nên chị đồng ý giao cháu T cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Lộ Văn Mãi trình bày tại Biên bản ghi lời khai ngày 21/4/2023: Anh Mãi thống nhất với chị T về con chung, tài sản chung và nợ. Quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, nhưng sau này hai vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng T và không còn hạnh phúc. Hiện tại vợ chồng anh chị không còn sống chung. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý, vì mâu thuẫn giữa anh Mãi và chị T chưa đến mức trầm trọng, đồng thời cháu T là con anh Mãi và chỉ T còn nhỏ anh Mãi muốn chị T và anh Mãi cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung được tốt hơn.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi người con chung tên Lộ Thị Cẩm T, sinh ngày 21/10/2011 và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có thời điểm chưa chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị T đối với anh Lộ Văn Mãi; về con chung: Giao người con chung tên Lộ Thị Cẩm T, sinh ngày 21/10/2011 cho anh Lộ Văn Mãi tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Thị T yêu cầu ly hôn và người con chung cho anh Lộ Văn

Mãi tiếp tục nuôi dưỡng. Bị đơn anh Lộ Văn Mãi, cư trú tại huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, nên đây là vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn, nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt các đương sự: Chị Phạm Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận; anh Lộ Văn Mãi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Mãi.

[4] Về nội dung: Chị Phạm Thị T và anh Lộ Văn Mãi kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/3/2011. Nên có cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị T và anh Mãi là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T yêu cầu ly hôn với anh Lộ Văn Mãi. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh Mãi xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, không hàn gắn được. Mục đích hôn nhân là để tạo dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải yêu thương, quý trọng và chăm sóc lẫn nhau, nhưng trong thời gian chung sống chị T và anh Mãi phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải nhau, cuộc sống gia đình luôn căng T không hàn gắn được, hiện tại chị T và anh Mãi không còn sống chung, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Mãi.

[6] Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Lộ Văn Mãi có 01 người con chung tên Lộ Thị Cẩm T, sinh ngày 21/10/2011, hiện tại đang sống chung với anh Mãi, chị T và anh Mãi đều thống nhất giao con cho anh Mãi tiếp tục nuôi dưỡng và cháu T cóa nguyện vọng được tiếp tục sống chung cùng anh Mãi, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu T cần tiếp tục giao người con chung tên Lộ Thị Cẩm T cho anh Lộ Văn Mãi tiếp tục trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phạm Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lộ Văn Mãi không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ: Chị Phạm Thị T và anh Lộ Văn Mãi xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về các vấn đề có liên quan đến vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; các điểm a, b khoản 1 Điều 227; các điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị T đối với anh Lộ Văn Mãi.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Lộ Thị Cẩm T, sinh ngày 21/10/2011 cho anh Lộ Văn Mãi tiếp tục trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phạm Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lộ Văn Mãi không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ: Không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000088 ngày 05 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ số tiền trên.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T và anh Lộ Văn Mãi có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tăng Giàu